



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP.HCM
KHOA CHÍNH TRỊ - LUẬT

Môn học

LUẬT THƯƠNG MẠI

QUỐC TẾ

CHƯƠNG 4

LUẬT WTO TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA



HIỆP ĐỊNH MARRAKESH (HIỆP ĐỊNH THÀNH LẬP WTO)

PHỤ LỤC 1

Phụ lục 1a:

Hiệp định đa biên về thương mại hàng hóa
(13 Hiệp định)

Phụ lục 1b:

Hiệp định chung về thương mại dịch vụ
(Hiệp định GATS)

Phụ lục 1c:

Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
(Hiệp định TRIPs)

PHỤ LỤC 2
HIỆP ĐỊNH VỀ QUY TẮC VÀ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KHUÔN KHỔ WTO
(HIỆP ĐỊNH DSU)

PHỤ LỤC 3
HIỆP ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ RÀ SOÁT CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI
(HIỆP ĐỊNH TPRM)

PHỤ LỤC 4 CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI NHIỀU BÊN

Phụ lục 4a: Hiệp định về Thương mại Máy bay Dân dụng

Phụ lục 4b: Hiệp định về Mua sắm Chính phủ (Hiệp định năm 2012 thay thế năm 1994)

Phụ lục 4c: Hiệp định quốc tế về sữa (Chấm dứt năm 1997)

Phụ lục 4d: Hiệp định quốc tế về thịt bò (Chấm dứt năm 1997)

HIỆP ĐỊNH MARRAKESH (HIỆP ĐỊNH THÀNH LẬP WTO)

Phụ lục 1a: Hiệp định đa biên về thương mại hàng hóa

1. Hiệp định chung về thuế quan và thương mại 1994 (GATT 1994)
2. Hiệp định Nông nghiệp
3. Hiệp định về Áp dụng các Biện pháp Kiểm dịch Động thực vật (SPS)
4. Hiệp định về Hàng dệt may (*Hết hiệu lực từ ngày 01/01/2005*)
5. Hiệp định về các Hàng rào Kỹ thuật đối với Thương mại (TBT)
6. Hiệp định về các Biện pháp Đầu tư liên quan đến Thương mại (TRIMs)
7. Hiệp định về Chống bán phá giá (*Điều VI của GATT 1994*) (ADA)
8. Hiệp định về Xác định Trị giá tính thuế hải quan (*Điều VII của GATT 1994*)
9. Hiệp định về Giám định hàng hóa trước khi gửi hàng (PSI)
10. Hiệp định về Quy tắc Xuất xứ
11. Hiệp định về Thủ tục Cấp phép Nhập khẩu
12. Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng
13. Hiệp định về các Biện pháp tự vệ.

HÀNG HÓA – THUẾ QUAN



HS CODE?

76	06	92	XX
----	----	----	----

Chương

Nhóm

Phân nhóm

Xác định thuế suất



1. HÀNG HÓA



Hàng hóa trong thương mại quốc tế là sản phẩm được liệt kê, mô tả và mã hóa trong Danh mục HS của Công ước HS

CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ HỆ THỐNG HÀI HÒA MÔ TẢ VÀ MÃ HÓA HÀNG HÓA
Harmonized Commodity description and coding system

CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ HỆ THỐNG HÀI HÒA MÔ TẢ VÀ MÃ HÓA HÀNG HÓA

Harmonized Commodity description and coding system

Do Tổ chức Hải quan thế giới thông qua tại Brussel (Bỉ) năm 1983, có hiệu lực ngày 01/01/1988.

Việt Nam ký kết gia nhập Công ước năm 1990. Hiện nay, đã có 179 quốc gia tham gia Công ước HS.

Hàng hóa được: Liệt kê, mô tả, mã hoá.

Hệ thống gồm:

- Các quy tắc tổng quát (6 quy tắc nhằm phân loại hàng hoá vào một nhóm, phân nhóm nhất định)
- Các chú giải bắt buộc (giải thích các phân nhóm)
- Danh sách những nhóm hàng (mã 4 chữ số) được sắp xếp một cách có hệ thống ứng với tên, mô tả và mã số hàng hoá.

Cấu trúc Công ước gồm:

- Phần nội dung: “Lời mở đầu” và 20 Điều, Khoản
- Phụ lục.

CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ HỆ THỐNG HÀI HÒA MÔ TẢ VÀ MÃ HÓA HÀNG HÓA

Harmonized Commodity description and coding system

PHẦN NỘI DUNG

- Điều 1: Khái niệm các thuật ngữ sử dụng trong Công ước HS (Ví dụ: “HS”, “Hội đồng”, “Ban Thư ký”,...).
- Điều 2: Phụ lục: Ý nghĩa pháp lý của phụ lục và cấu trúc của phụ lục.
- Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của các nước thành viên: Áp dụng đầy đủ 6 quy tắc phân loại hàng hóa theo HS, các chú giải pháp lý, mã Nhóm, Phân nhóm HS.
- Điều 4: Áp dụng HS từng phần đối với nước đang phát triển.
- Điều 5: Hỗ trợ kỹ thuật cho các nước đang phát triển.
- Điều 6: Công ước HS.
- Điều 7: Chức năng của Ủy ban HS.
- Điều 8: Vai trò của Tổ chức Hải quan thế giới.
- Điều 9: Thuế quan.
- Điều 10: Giải quyết tranh chấp giữa các nước thành viên.

CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ HỆ THỐNG HÀI HÒA MÔ TẢ VÀ MÃ HÓA HÀNG HÓA

Harmonized Commodity description and coding system

PHẦN NỘI DUNG

- Điều 11: Điều kiện trở thành thành viên Công ước.
- Điều 12: Thủ tục trở thành thành viên Công ước.
- Điều 13: Hiệu lực.
- Điều 14: Áp dụng HS tại các vùng, lãnh thổ phụ thuộc.
- Điều 15: Rút khỏi Công ước.
- Điều 16: Thủ tục sửa đổi.
- Điều 17: Quyền của các bên tham gia.
- Điều 18: Bảo lưu.
- Điều 19: Thông báo của Tổng thư ký.
- Điều 20: Đăng ký tại Liên hợp quốc.

CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ HỆ THỐNG HÀI HÒA MÔ TẢ VÀ MÃ HÓA HÀNG HÓA

Harmonized Commodity description and coding system

PHẦN PHỤC LỤC

Gồm 3 bộ phận chính:

- Các quy tắc tổng quát giải thích việc phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu theo HS.
- Chú giải Phần, Chương, Phân nhóm.
- Mã số Nhóm và Phân nhóm.



BIỂU THUẾ XNK 2022

V	Mã hàng	Mô tả hàng hoá - Tiếng Việt	Đơn vị tính	NK thông thường	NK ưu đãi	VAT			
A	B	C	E	1	2	3	4	5	6
2	39262060	- - Hàng may mặc dùng để chống các chất hóa học, phóng xạ hoặc chống cháy	kg/chiếc	15	10	8	0(-K)	0	3
2	39262090	- - Loại khác	kg/chiếc	30	20	8	0(-K)	0	5
1	39263000	- Phụ kiện lắp vào đồ nội thất, trên thân xe (coachwork) hoặc các loại tương tự	kg/chiếc	30	20	8	0(-K)	0	4
1	39264000	- Tượng nhỏ và các đồ trang trí khác	kg/chiếc	30	20	8	0(-K)	0	5
1	392690	- Loại khác:							
2	39269010	- - Phao cho lưới đánh cá	kg/chiếc	22.5	15	8	5(-K)	0	4
2	39269020	- - Quạt và màn che kéo bằng tay, khung và tay cầm, quai kèm theo, và các bộ phận của chúng	kg/chiếc	22.5	15	8	0(-K)	0	4
2		- - Các sản phẩm vệ sinh, y tế và phẫu thuật:							
3	39269032	- - - Khuôn plastic lấy dấu răng	kg/chiếc	15	10	8	0	0	3
3	39269039	- - - Loại khác	kg/chiếc	10.5	7	8	0	0	0
2		- - Các thiết bị, dụng cụ an toàn và bảo vệ:							
3	39269041	- - Lá chắn bảo vệ cửa cảnh sát	kg/chiếc	7.5	5	8	0(-K)	0	0



ĐỊNH NGHĨA MÃ HS

Danh mục HS
Công ước HS

6 số

“Công ước quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa”
Harmonized Commodity description and coding system
Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) thông qua Brussel 1983 – Hiệu lực
1988 – 2018: 183 thành viên chiếm 98% thương mại quốc tế
Việt Nam tham gia 1998 – Hiệu lực 01/01/2000

AHTN

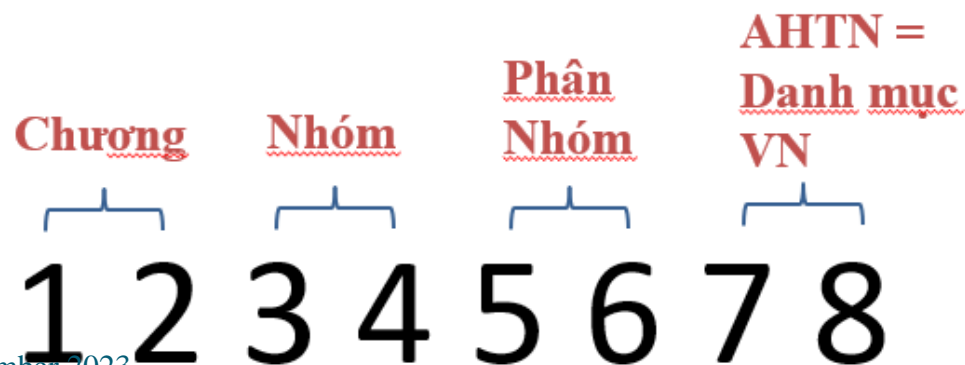
8 số

Danh mục thuế quan hài hòa Asean - AHTN (Asean Harmonised
Tariff Nomenclature)
*Tuân thủ hoàn toàn **Danh mục HS** ở cấp độ 6 chữ số và
chi tiết ở số thứ 7 và số thứ 8 cho ASEAN*

Danh mục Hàng hóa
Xuất khẩu, nhập
khẩu Việt Nam

8 số

Hoàn toàn tuân thủ AHTN



2. THUẾ QUAN



Thuế quan là 1 khoản thu của NN đối với hàng hóa khi hàng hóa đó di chuyển từ lãnh thổ hải quan này sang lãnh thổ hải quan khác.

Lãnh thổ hải quan

- Một vùng lãnh thổ có chính sách thuế quan riêng biệt.
- Có thể nằm trong lãnh thổ quốc gia hoặc có thể là quốc gia
- Có thể nằm ngoài quốc gia

Mục đích của thuế quan:

- Tăng ngân sách của nước nhập khẩu
- Quản lý xuất nhập khẩu
- Bảo vệ sản xuất trong nước

2. THUẾ QUAN

Binding Tariff

Mức thuế trần là cam kết không vượt quá 1 mức thuế nhất định.

Ngoại lệ: có thể phá vỡ mức thuế trần, với điều kiện phải đàm phán với các nước liên quan và có thể bị buộc bồi thường thiệt hại thương mại cho các nước liên quan.

Lộ trình cắt giảm thuế quan là các nước tham gia WTO đều phải ca kết lộ trình cắt giảm thuế quan phù hợp với nền kinh tế của nước mình.

3. BIỂU THUẾ SUẤT NHƯỢNG BỘ

Biểu cam kết nhượng bộ là văn bản ghi lại kết quả đàm phán về thuế trong các thỏa thuận thương mại tự do.

- 164 quốc gia thuộc WTO có 164 biểu cam kết nhượng bộ, đính kèm vào trong GATT.
- Nội dung:
 - + Cam kết giảm, mức giảm, thời gian giảm
 - + Đưa ra mức thuế trần.



3. BIỂU THUẾ SUẤT NHƯỢNG BỘ

Biểu thuế suất hiện hành là các mức thuế tại Danh mục HS quốc gia đang được áp dụng hiện hành.



XE CỨU THƯƠNG

MÃ HS: 8703.32.10

MỨC THUẾ THEO WTO: 20%

MỨC THUẾ THEO ATIGA: 0%

MỨC THUẾ THEO FTA ASEAN-CHINA: 20%

HIỆP ĐỊNH NÔNG NGHIỆP (Agreement on Agriculture-AoA)



1. NỘI DUNG

Tiếp cận thị trường nông sản của các quốc gia

Quy định về trợ cấp xuất khẩu

Quy định về hỗ trợ trong nước



AGREEMENT ON AGRICULTURE

World Trade Organization



1. NỘI DUNG

Tiếp cận thị trường nông sản của các quốc gia



Bằng phương pháp thuế quan.

Nghĩa vụ giảm thuế: không nhiều

- + Giảm 36% trong 6 năm đối với các nước phát triển
- + Giảm 24% trong 10 năm đối với các nước đang phát triển

Bằng phương pháp Phi thuế quan.

Xóa bỏ hoàn toàn các biện pháp phi thuế quan (như hạn ngạch, các biện pháp hành chính, ...)



1. NỘI DUNG

Quy định về trợ cấp xuất khẩu



Biểu cam kết của các thành viên:

- + Các nước phát triển: từ 36% xuống 21%
- + Các nước đang phát triển: từ 24% xuống 14%

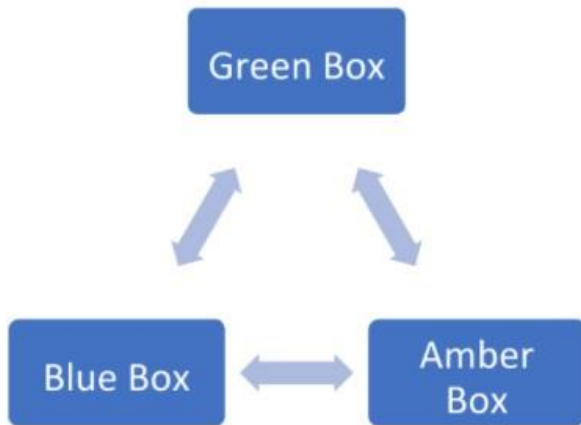
1. NỘI DUNG

Quy định về hỗ trợ trong nước

Có sự cắt giảm hoặc không cắt giảm (tùy từng trường hợp)

Khoản chi ngân sách cho khu vực nông thôn được chia thành các nhóm:

- + Green box (hộp màu xanh lá cây)
- + Blue box (hộp màu xanh lam)
- + Amber box (hộp màu bìa phách)



Civildaily.com

1. MỤC ĐÍCH

Giảm bớt hỗ trợ của các nước phát triển cho nông nghiệp

**Khuyến khích áp dụng thuế hóa thay cho các biện pháp
phi thuế quan**

Vì sao có Hiệp định nông nghiệp



- Nông sản là hàng hóa “nhạy cảm” trong thương mại.
- Thương mại nông nghiệp ảnh hưởng trực tiếp đến người sản xuất ra nông nghiệp, vốn chiếm đa số dân số thế giới, và thường có thu nhập không cao.
- 2/3 quốc gia trên thế giới là đang phát triển và kém phát triển, sản phẩm làm ra phần lớn là nông sản.
- Phục vụ nhu cầu của các nước phát triển: bảo vệ sức khỏe người dân.
- Nông nghiệp phải có đất để sản xuất, trong khi diện tích đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp cần quan tâm đến nông sản

HIỆP ĐỊNH KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT (Sanitary and Phytosanitary-SPS)



1. NỘI DUNG

Điều chỉnh các hoạt động kiểm dịch động thực vật của các thành viên WTO

Biện pháp SPS là các biện pháp nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe con người khỏi:

- Động, thực vật bị bệnh hay mang mầm bệnh.
- Các bệnh do động thực vật hay sản phẩm từ động thực vật gây ra.
- Chất phụ gia thực phẩm, độc chất hoặc vật gây bệnh.
- Ngăn chặn hay hạn chế tác hại khác của sâu bệnh.

Biện pháp kiểm dịch động thực vật chỉ áp dụng đối với hàng hóa nông sản

2. CÁC MỨC ĐỘ KHÁC NHAU CỦA SPS

Mức 1

Quy định ở mức **thấp hơn** quy định trong SPS



Thị trường “dễ tính”

Mức 2

Quy định ở mức **bằng** quy định trong SPS

Mức 3

Quy định ở mức **cao hơn** quy định trong SPS



Thị trường “khó tính”

Mỗi quốc gia có quy định riêng không thành viên nào bị ngăn cấm thông qua hoặc thi hành các biện pháp cần thiết.

Điều kiện quy định ở mức cao hơn:

- Sự cần thiết**
- Phải có căn cứ khoa học**

Ngoại trừ trường hợp áp dụng “nguyên tắc phòng ngừa”

WTO
không can thiệp

WTO xem xét và sẽ
đặt ra các tiêu chuẩn
với nhóm này

HIỆP ĐỊNH HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI (Technical Barriers to Trade-TBT)



NỘI DUNG

TBT là hiệp định điều chỉnh về hàng rào kỹ thuật của mỗi quốc gia áp dụng cho hàng nhập khẩu, bao gồm cả hàng nông sản và hàng phi nông sản.

Quan điểm của TBT bao gồm:

- ❑ **Quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật** (*Hàm lượng chất bảo quản, phẩm màu thực phẩm; Quy cách đóng gói; Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm*)
- ❑ **Đối với biện pháp TBT quốc gia trong trường hợp quy định cao hơn tiêu chuẩn thế giới: phải tuân thủ nguyên tắc đối xử quốc gia (nguyên tắc NT)**

Quy định kỹ thuật

Quy định kỹ thuật là tài liệu chứa đựng đặc tính của sản phẩm hoặc quy trình và các phương pháp sản xuất có liên quan, gồm có các quy định về hành chính được áp dụng một cách bắt buộc. Chúng có thể bao gồm tất cả hoặc chỉ liên quan riêng đến *thuật ngữ chuyên môn, các biểu tượng, yêu cầu về bao bì, mã hiệu hoặc nhãn hiệu* được áp dụng cho một sản phẩm, quy trình hoặc phương pháp sản xuất.

Tiêu chuẩn kỹ thuật

Tiêu chuẩn kỹ thuật là tài liệu được chấp nhận bởi một tổ chức được công nhận, đề ra, để sử dụng chung và nhiều lần, các quy tắc, hướng dẫn, hoặc đặc tính của sản phẩm hoặc các quy trình và phương pháp sản xuất sản phẩm đó mà việc thực hiện là không bắt buộc. Nó cũng có thể bao gồm tất cả hoặc chỉ liên quan đến một trong các yếu tố như: *thuật ngữ chuyên môn, biểu tượng, yêu cầu về bao bì, mã hiệu, hoặc nhãn hiệu* được áp dụng cho một sản phẩm, quy trình hoặc phương pháp sản xuất.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP.HCM
KHOA CHÍNH TRỊ - LUẬT

ÔN TẬP